

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giăng co trong vùng 1,865 – 1,890 trước khi đóng cửa tại mốc 1,877.33 điểm, tăng hơn 9 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/15 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dịch vụ tài chính dẫn đầu đà tăng hơn 5%, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản, Ngân hàng,... Kim hãm đà tăng của thị trường hôm nay là cổ phiếu Vin. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng hơn 1,000 tỷ trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên hai sàn còn lại. Đà tăng của thị trường đã có sự lan tỏa rộng hơn, trong trường hợp tích cực, VN-Index có thể tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới trong ngắn hạn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 12/01/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+9.43** điểm, đóng cửa tại **1877.33** điểm. HNX-Index **+4.78** điểm, đóng cửa tại **251.88** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+9.12)**, **BID (+5.22)**, **VPB (+3.59)**, **HPG (+2.28)**, **TCB (+2.15)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-19.23)**, **VHM (-8.14)**, **VRE (-1.10)**, **MCH (-0.72)**, **VJC (-0.47)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **39,433** tỷ đồng, tăng **9.21%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 41,686 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 19.03 điểm. Thị trường có **240** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **91** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1070.60** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VCB (420.94 tỷ)**, **VPB (270.40 tỷ)**, **HPG (177.02 tỷ)**, **MWG (161.38 tỷ)**, **TCX (150.96 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.00** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+3.11%**. Các mã diễn biến tích cực:
BID (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+6.92%)
VCB (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.65%**. Các mã diễn biến tích cực:
MBS (+9.16%)
CTR (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
FTS (+6.97%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	3.11%	1.65%	0.50%	0.68%
1 tuần	4.34%	2.11%	4.97%	2.54%
1 tháng	10.84%	4.27%	13.99%	11.42%
3 tháng	2.54%	-6.87%	6.60%	3.30%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,877.33	251.88	122.56
% 1D	0.50%	1.93%	0.60%
GTKL (tỷ VND)	39,433	2,401	969
%1D	9.21%	10.94%	-35.49%
GDNN (tỷ VND)	1070.60	-13.00	-35.58

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	420.94	VRE	-203.68
VPB	270.40	VHM	-168.28
HPG	177.02	STB	-124.74
MWG	161.38	CTG	-109.28
TCX	150.96	VJC	-76.05

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

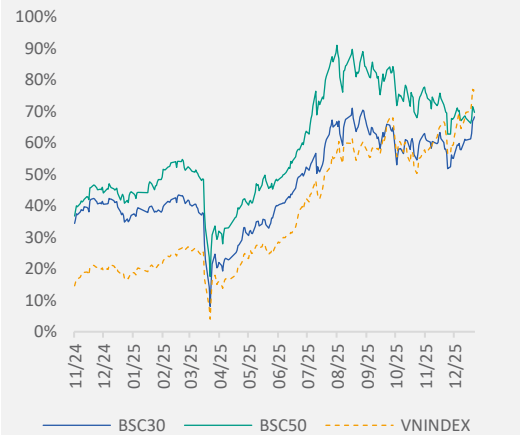
		%D	%W
SPX	6,966	0.65%	1.57%
FTSE100	10,109	-0.15%	1.04%
Eurostoxx	5,969	-0.16%	1.10%
Shanghai	4,165	1.09%	3.53%
Nikkei	51,940	1.61%	3.18%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.12	-0.34%
Giá vàng	4,597	2.37%
Tỷ giá		
USD/VND	26,385	0.01%
EUR/VND	31,415	0.04%
JPY/VND	171	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	6.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

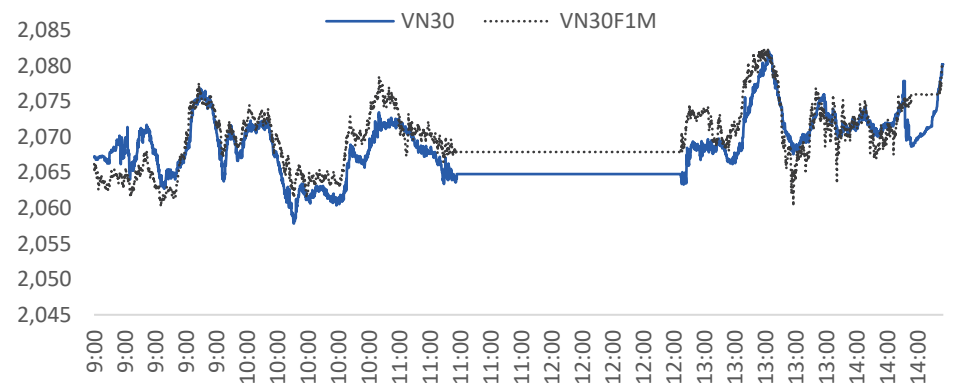
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	2079.70	0.88%	324,567	-0.8%	15/01/2026	3
41I1G6000	2070.00	0.52%	13	-61.8%	18/06/2026	157
41I1G1000	2079.70	0.88%	324,567	-0.8%	15/01/2026	3
41I1G3000	2063.40	0.40%	22	-74.42%	19/03/2026	66

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +14.03 điểm, đóng cửa tại 2080.24 điểm. Biên độ dao động 24.19 điểm. Các cổ phiếu như HPG, VPB, FPT, TCB, VCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản duy trì ở mức cao, trên ngưỡng MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh, ưu tiên canh long.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHPG2533	24/02/2026	43	253,500	11.45%	29.00	550	139.1%	0.25	30.65	27.50	27.50
CVPB2525	25/03/2026	72	599,100	10.33%	31.70	810	72.3%	0.65	33.32	30.20	30.20
CHPG2535	25/03/2026	72	962,800	12.36%	29.70	600	50.0%	0.46	30.90	27.50	27.50
CVPB2530	11/05/2026	119	8,300	28.54%	37.80	1,020	47.8%	0.45	38.82	30.20	30.20
CSTB2531	9/03/2026	56	1,048,700	15.89%	60.10	750	47.1%	0.42	62.35	53.80	53.80
CVPB2524	25/06/2026	164	146,500	49.90%	43.11	540	45.9%	0.06	45.27	30.20	30.20
CFPT2503	26/03/2026	73	245,000	55.62%	153.64	140	40.0%	0.00	154.84	99.50	99.50
CSTB2530	25/06/2026	164	110,500	30.71%	67.80	1,260	40.0%	0.92	70.32	53.80	53.80
CVPB2523	24/02/2026	43	44,400	3.64%	28.00	1,650	37.5%	1.41	31.30	30.20	30.20
CSSB2504	23/02/2026	42	66,300	41.76%	23.12	510	34.2%	0.00	25.16	17.75	17.75
CVPB2527	8/06/2026	147	446,000	28.11%	36.20	830	33.9%	0.30	38.69	30.20	30.20
CSHB2511	24/02/2026	43	18,600	13.76%	18.00	1,340	32.7%	0.55	19.34	17.00	17.00
CSTB2535	11/05/2026	119	244,400	35.78%	71.70	450	32.4%	0.24	73.05	53.80	53.80
CTPB2510	25/06/2026	164	56,000	46.11%	24.69	1,000	31.6%	0.13	26.59	18.20	18.20
CHPG2528	23/02/2026	42	2,039,800	11.85%	30.00	380	31.0%	0.23	30.76	27.50	27.50
CTCB2518	23/02/2026	42	3,174,100	-0.02%	35.07	1,500	30.4%	1.87	37.99	38.00	38.00
CHPG2537	9/03/2026	56	1,083,600	8.51%	27.60	1,120	30.2%	0.75	29.84	27.50	27.50
CVPB2510	23/02/2026	42	27,000	2.21%	23.04	4,020	28.4%	3.75	30.87	30.20	30.20
CVPB2526	25/06/2026	164	641,300	16.95%	32.60	1,360	27.1%	1.00	35.32	30.20	30.20
CSTB2528	23/02/2026	42	482,900	2.45%	49.00	2,040	26.7%	1.98	55.12	53.80	53.80

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 12/01/2026, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
 - CHPG2533 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 139.13%. CVPB2513 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.65%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CVRE2525, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2511, CVHM2511, CVHM2512, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	27.50	4.96%	9.40
VPB	30.20	6.90%	7.12
FPT	99.50	2.16%	5.03
TCB	38.00	3.68%	3.90
VCB	72.70	6.91%	3.31

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	163.70	-6.99%	-11.33
VHM	130.20	-7.00%	-8.25
VRE	32.60	-6.86%	-3.32
VJC	195.00	-1.86%	-1.58
PLX	42.40	-1.40%	-0.12

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	72.70	6.91%	9.12	8.36
BID	49.25	6.95%	5.22	7.02
VPB	30.20	6.90%	3.59	7.93
HPG	27.50	4.96%	2.28	7.68
TCB	38.00	3.68%	2.15	7.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	20.60	9.57%	0.99	0.90
MBS	28.60	9.16%	0.96	0.66
NVB	14.00	2.94%	0.44	1.92
CEO	19.70	7.07%	0.44	0.57
HUT	16.00	3.23%	0.31	1.07

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VND	20.65	6.99%	0.49	30.57
CMV	8.88	6.99%	0.00	0.05
CTR	102.60	6.99%	0.18	0.67
FTS	34.55	6.97%	0.18	3.84
DSE	24.60	6.96%	0.79	0.91

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DST	11.30	9.71%	0.15	0.44
SHS	20.60	9.57%	7.43	27.36
NAP	11.50	9.52%	0.10	0.00
MBS	28.60	9.16%	7.23	14.41
PIC	18.20	8.98%	0.23	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	163.70	-6.99%	-19.23	7.73
VHM	130.20	-7.00%	-8.14	4.11
VRE	32.60	-6.86%	-1.10	2.27
MCH	172.80	-1.82%	-0.72	1.06
VJC	195.00	-1.86%	-0.47	0.59

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	151.00	-2.58%	-0.43	0.20
PVS	36.00	-1.91%	-0.20	0.51
DTK	13.00	-2.26%	-0.11	0.68
MVB	18.00	-9.55%	-0.10	0.11
HLD	21.20	-9.79%	-0.06	0.05

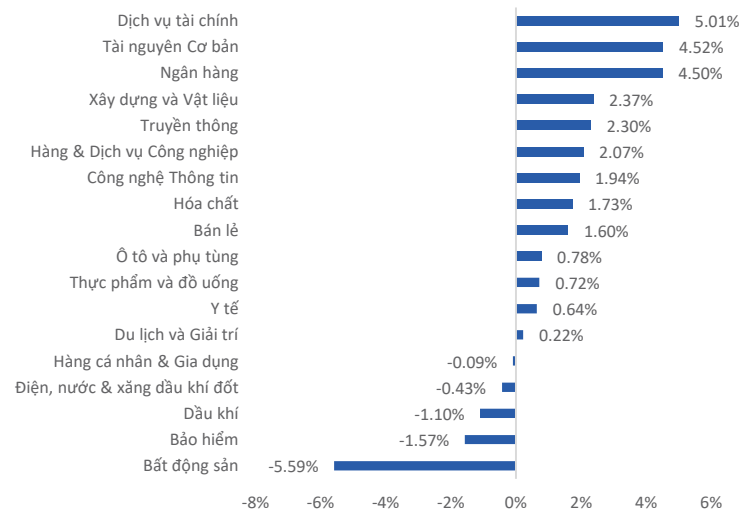
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	130.20	-7.00%	-8.29	9.35
DAT	9.04	-7.00%	-0.01	0.03
VIC	163.70	-6.99%	-19.53	13.43
VRE	32.60	-6.86%	-1.13	25.35
YBM	10.90	-6.03%	0.00	0.01

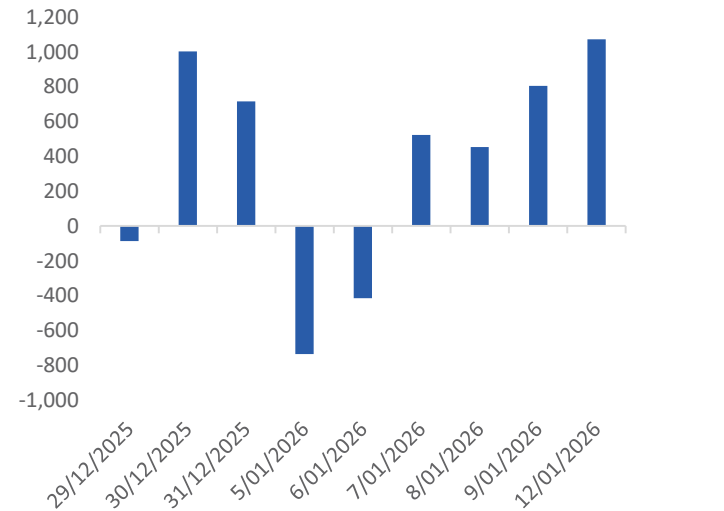
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HLD	21.20	-9.79%	-0.48	0.25
CJC	19.50	-9.72%	-0.06	0.00
INC	13.00	-9.72%	-0.02	0.00
ATS	24.20	-9.70%	-0.03	0.00
SSM	4.70	-9.62%	-0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.7	4.05%	1.3	9,289	131.0	2,409	17.4	22.2%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	145.0	1.05%	0.6	24,438	45.4	3,620	39.6	32.6%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	66.0	-2.22%	1.1	50,107	119.0	3,578	18.9	26.7%	11.3%	
DIG	Bất động sản	16.6	3.75%	1.5	12,743	280.1	518	30.9	3.1%	4.4%	
DXG	Bất động sản	16.1	3.87%	1.5	17,242	333.3	397	39.0	25.7%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	21.7	5.08%	1.5	4,125	106.7	2,445	8.4	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	26.9	2.09%	1.5	9,730	104.5	938	28.0	20.3%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.0	0.00%	1.5	14,800	63.9	4,849	8.0	11.6%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	30.0	2.92%	1.4	14,141	139.2	2,188	13.3	43.9%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	55.6	-0.71%	1.1	13,558	24.9	5,474	10.2	3.2%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.9	1.82%	1.2	5,454	28.9	1,763	17.2	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	16.3	2.19%	1.6	14,548	126.4	801	19.9	11.7%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	163.7	-6.99%	0.8	1,356,261	2221.8	1,147	153.4	3.0%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	32.6	-6.86%	1.1	79,531	840.6	2,144	16.3	14.0%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.0	-0.27%	1.2	7,845	16.5	1,848	20.1	38.2%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	42.4	-1.40%	0.9	54,635	418.0	2,090	20.6	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.4	-3.73%	1.1	16,398	416.5	1,602	18.4	10.9%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.6	6.97%	1.3	11,192	131.1	1,262	25.6	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.6	9.16%	1.8	17,258	402.8	1,655	15.8	2.7%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	97.0	-0.10%	1.1	234,297	559.1	5,014	19.4	2.2%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.2	-1.74%	1.2	44,177	392.6	677	21.3	5.0%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.5	0.82%	0.6	33,041	61.0	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	195.0	-1.86%	0.8	117,553	377.7	2,897	68.6	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.5	3.18%	1.7	35,419	500.0	2,313	17.0	9.0%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.0	1.61%	1.2	26,443	78.5	3,495	17.7	41.9%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.0	0.00%	0.9	9,625	113.7	6,185	9.2	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.7	-2.96%	1.0	9,540	175.9	2,090	9.7	10.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.5	6.91%	0.0	13,043	78.8	3,139	34.1	5.0%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	103.2	0.19%	1.1	35,138	121.0	6,911	14.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.2	0.18%	0.9	3,036	41.2	2,535	10.7	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.4	1.04%	1.5	2,472	21.8	2,855	6.7	16.7%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.3	2.32%	1.2	16,148	211.6	1,212	19.6	3.9%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	32.2	1.90%	1.4	126,400	287.8	1,569	20.1	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.0	3.29%	1.1	39,676	260.3	1,635	13.0	3.0%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	42.4	2.91%	0.4	123,076	96.8	3,469	11.9	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	15.1	3.07%	0.0	25,135	39.3	2,337	6.3	1.7%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.2	3.39%	0.8	31,424	78.9	1,460	8.1	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.6	5.07%	1.4	6,624	157.0	571	25.9	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	25.2	1.00%	1.2	6,643	30.5	2,829	8.8	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	38.1	2.28%	0.5	11,310	179.4	1,715	21.7	3.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.0	0.11%	0.5	62,781	80.6	3,373	14.5	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.8	-0.53%	0.9	12,816	306.7	6,944	8.2	19.5%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	174.7	-0.23%	0.2	14,334	19.8	14,639	12.0	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	75.0	3.59%	1.2	7,711	58.4	6,245	11.6	48.9%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	102.6	6.99%	1.2	10,970	69.1	5,128	18.7	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	38.5	6.94%	1.4	3,629	29.3	3,037	11.9	5.6%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.9	4.03%	1.3	6,785	99.2	1,101	11.3	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	24.1	1.47%	1.1	9,768	140.6	1,377	17.2	13.9%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.5	4.90%	1.0	13,867	150.6	6,148	3.5	4.5%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.6	1.79%	1.5	20,086	74.9	3,090	14.5	2.4%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>